TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 215/2022/DS-PT
Ngày 10/8/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Hoàng

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập.

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2022/TLPT- DS ngày 07 tháng 07 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2022/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lương Kiều T1, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh C.

- *Bị đơn*: Anh Khổng Hoàng M, sinh năm 1969 (Có mặt)

Chị Nguyễn Kim Y, sinh năm 1981(Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Lý Ấn, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Bé T2, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh C (Vắng mặt)

- *Người kháng cáo*: Anh Khổng Hoàng M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lương Kiều T1 trình bày: Vợ chồng anh M, chị Y có vay tiền của chị, cụ thể như sau: Ngày 12.3.2020 âm lịch vay số tiền là 100.000.000 đồng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất tại thửa số 1159, tờ bản đồ 02, diện tích 668,2 m^2 tọa lạc ấp L, xã H, huyện C, tỉnh C; Ngày 06.7.2020 âm lịch vay số tiền là 200.000.000 đồng; Ngày 24.7.2020 âm lịch vay số tiền là 500.000.000 đồng; Ngày 19.11.2020 âm lịch vay số tiền là 200.000.000 đồng; Tổng số tiền vay là 1.000.000.000 đồng, các lần vay tiền anh M, chị Y có viết biên nhận. Sau khi vay, anh M, chị Y đóng lãi cho chị đến ngày 19.11.2020 âm lịch số

tiền là 50.000.000 đồng thì không đóng lãi đến nay. Do chị cho anh M, chị Y vay tiền không liên quan đến bà T2. Chị yêu cầu anh M và chị Y trả số tiền vay vốn là 1.0000.0000.000 đồng và lãi suất theo quy định.

Bị đơn là anh Khổng Hoàng M trình bày: Anh và chị Y có vay tiền như sau: Ngày 12.3.2020 âm lịch vay số tiền là 100.000.000 đồng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 1159, tờ bản đồ 02, diện tích 668,2 m^2 tọa lạc tại ấp Lý Ấn, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau; Ngày 06.7.2020 âm lịch vay thêm 100.000.000 đồng, ghi biên nhận nợ chung vay 200.000.000 đồng nhưng do trời tối nên không lấy biên nhận ngày 12.3.2020 âm lịch về; Ngày 19.11.2020 âm lịch, do hết thời hạn vay nên viết biên nhận gia hạn vay số tiền là 200.000.000 đồng. Các biên nhận này đều do anh viết, anh và chị Y có ký tên nên không yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký. Từ khi vay đến nay, anh và chị Yến không có trả lãi suất. Anh xác định anh vay tiền của bà Nguyễn Thị Bé T2 chứ không vay tiền của chị Lương Kiều Trinh nhưng do không biết tên bà Bé Tám nên ghi tại biên nhận nợ là vay tiền của chị Trinh. Đối với biên nhận nợ ngày 24.7.2020 âm lịch, số tiền là 500.000.000 đồng thì anh không biết và không ký tên nên không đồng ý trả. Quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Y vẫn đang tồn tại. Hiện anh đồng ý cùng chị Y trả cho chị T1 số tiền vay là 200.000.000 đồng và không đồng ý trả lãi suất.

Bị đơn là chị Nguyễn Kim Yến trình bày: Chị và anh M có vay của chị Trinh như sau: Ngày 12.3.2020 âm lịch vay số tiền là 100.000.000 đồng, có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 1159, tờ bản đồ 02, diện tích 668,2 m^2 tọa lạc tại ấp Lý Ấn, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Ngày 06.7.2020 âm lịch vay số tiền là 200.000.000 đồng. Ngày 19.11.2020 âm lịch vay số tiền là 200.000.000 đồng; Các lần này, do vợ chồng cùng đi vay, anh M viết biên nhận nợ, anh M và chị có ký tên. Đối với biên nhận nợ ngày 24.7.2020 âm lịch thì chỉ có chị đi vay và chị viết biên nhận nợ vay của chị Trinh số tiền là 500.000.000 đồng. Sau khi vay, chị và anh M đóng lãi rất nhiều nhưng không nhớ số tiền bao nhiêu và cũng không có chứng cứ để chứng minh được số tiền đã đóng lãi là bao nhiêu. Thực tế chị không lấy đúng số tiền ghi trên biên nhận nợ mà trong đó chị T1 đã trừ phần lãi của các lần vay trước, sau đó mới đưa số tiền còn lại cho chị. Chị xác định còn thiếu chị Trinh số tiền là 800.000.000 đồng, thực tế vay có nhận số tiền là 500.000.000 đồng và lãi suất chị đóng lãi khi nhận tiền là 300.000.000 đồng. Nay chị đồng ý trả cho chị T1 số tiền vay là 500.000.000 đồng và không đồng ý trả lãi suất.

Bà Nguyễn Thị Bé T2 (Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Việc tranh chấp giữa chị T1 và anh M, chị Y thì bà không có liên quan, không có ý kiến và không có yêu cầu nên xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử. Bà không cho anh M, chị Y vay tiền và không nhận lãi suất. Đối với các biên nhận nợ chị T1 cung cấp thì bà không biết, không chứng kiến và cũng không giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh M, chị Y.

Từ nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2022/DS-ST ngày 19/5/2022 của Toà án nhân dân huyện Cái Nước quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lương Kiều T1 đối với anh Khổng Hoàng M và chị Nguyễn Kim Y.

Buộc anh Khổng Hoàng M và chị Nguyễn Kim Y có nghĩa vụ trả cho chị Lương Kiều T1 số tiền vay vốn là 1.000.000.000 đồng và số tiền lãi suất là 294.018.000 đồng, tổng cộng là 1.294.018.000 đồng (Một tỷ hai trăm chín mươi bốn triệu không trăm mười tám nghìn đồng).

Buộc chị Lương Kiều T1 có nghĩa vụ trả lại cho anh Khổng Hoàng M và chị Nguyễn Kim Y một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 1159, tờ bản đồ 02, diện tích 668,2 m^2 tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C, tỉnh C.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất do chậm thi hành, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/6/2022 bị đơn anh Khổng Hoàng M có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, chuyển hồ sơ sang Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cái Nước xem xét giải quyết hình sự đối với chị Lương Kiều T1. Tại phiên toà phúc thẩm, anh M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng đã được tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Khổng Hoàng M, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Cái Nước.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét nội dung yêu cầu theo đơn kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Quan hệ giao dịch vay tiền giữa các bên là có xảy ra trên thực tế, tuy nhiên về số tiền vốn vay, số tiền đã thanh toán và tiền còn nợ lại các bên trình bày chưa thống nhất. Chị T1 yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng anh Khổng Hoàng M và chị Nguyễn Kim Y trả số tiền vốn vay còn nợ là 1.000.000.000 đồng. Anh Khổng Hoàng M phản đối về nội dung khởi kiện và chứng cứ do chị T1 cung cấp, anh M cho rằng chỉ có vay của chị T1 tổng số tiền 200.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền 200.000.000 đồng. Tại đơn kháng cáo, anh M cho rằng chị T1 bắt viết biên nhận khống chứ thực tế không có nhận số tiền 01 tỷ, chỉ nhận 200.000.000 đồng.

[2] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà các bên cung cấp và đã được các bên thừa nhận cụ thể là: Các biên nhận ngày 12.3.2020 âm lịch số tiền là 100.000.000

đồng; Ngày 06.7.2020 âm lịch số tiền là 200.000.000 đồng; Ngày 19.11.2020 âm lịch số tiền là 200.000.000 đồng; Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay anh M và chị Y thừa nhận nội dung các biên nhận là do chính anh M viết, đồng thời chữ ký tại biên nhận là do anh M, chị Y cùng ký tên. Hơn nữa, anh M và chị Y xác định khi viết các biên nhận này hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Anh M cho rằng có vay tại biên nhận ngày 12.3.2020 âm lịch số tiền là 100.000.000 đồng và ngày 06.7.2020 âm lịch vay thực tế số tiền là 100.000.000 đồng nhưng ghi biên nhận 200.000.000 đồng là cộng dồn với biên nhận trước và do trời tối nên không lấy lại biên nhận trước; Biên nhận ngày 19.11.2020 âm lịch số tiền 200.000.000 đồng là chỉ ghi để gia hạn khoản vay của 02 biên nhận trước. Anh M xác định đối với lời trình bày này của anh không có chứng cứ gì chứng minh và cũng không ai chứng kiến sự việc như anh trình bày. Hội đồng xét xử xét thấy, anh M không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh thực tế anh chỉ vay của chị T1 số tiền là 200.000.000 đồng và việc anh cho rằng chị T1 bắt vợ anh là chị Y ghi biên nhận khống 500.000.000 nhưng thực tế không nhận tiền cũng không có gì chứng minh.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh M tranh luận cho rằng tại các biên nhận ghi thời hạn vay ba tháng nhưng vợ chồng anh chưa thanh toán khoản vốn và lãi nào mà chị T1 vẫn đồng ý tiếp tục cho anh vay là có uẩn khúc và vô lý. Thấy rằng, đây chỉ là lập luận của anh để biện minh cho kháng cáo của mình trong khi phía chị T1 cho rằng do có tài sản thế chấp giá trị hơn một tỷ đồng theo giá thị trường và muốn giúp vốn cho anh M và chị Y nên mới tiếp tục cho bị đơn vay lên đến 1 tỷ đồng. Đối với biên nhận ngày 24.7.2020 âm lịch nội dung là lấy thêm số tiền là 500.000.000 đồng, tại cấp sơ thẩm chị Y thừa nhận do chị vay của chị T1 và do chị ghi biên nhận nợ ký tên, chị Y cho rằng đối với 04 biên nhận nợ chị T1 cung cấp thì chị có ký tên nhưng thực tế do trừ tiền đóng lãi cho chị T1 nên không nhận đủ số tiền vay, chị Y không đồng ý trả cho chị T1 số tiền vay 1 tỷ đồng nhưng chấp nhận trả số tiền vốn và lãi là 800.000.000 đồng trong đó có 500.000.000 đồng tiền vốn. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Y cho rằng chỉ vay và nhận số tiền 200.000.000 đồng như anh M trình bày. Hội đồng xét xử xét thấy chị Y trình bày bất nhất so với trình bày trước đây và không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh thực tế không vay đủ số tiền như nội dung tại các biên nhận nợ. Hơn nữa, chị Y thống nhất với bản án sơ thẩm không có yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận đối với ý kiến này của chị Y.

[4] Đối với biên nhận ngày 24.7.2020 âm lịch chị Y có vay của chị T1 số tiền là 500.000.000 đồng thì anh M không thừa nhận và cho rằng không biết, không ký tên. Thấy rằng tất cả các biên nhận nợ đều được anh M và chị Y thừa nhận do anh M, chị Y viết và ký tên, riêng đối với biên nhận 500.000.000 đồng mặc dù anh M không ký nhưng chị Y thừa nhận do chị tự viết và tự ký tên, việc vay tiền sử dụng vào mục đích chi xài chung trong gia đình, phát triển kinh tế chung. Khi thực hiện giao dịch đến nay thì quan hệ hôn nhân của anh M và chị Y

vẫn đang tồn tại nên án sơ thẩm buộc chị Y và anh M cùng có nghĩa vụ trả nợ cho chị T1 là phù hợp.

[5] Tại phiên tòa anh M cho rằng cần hủy án sơ thẩm do chị T1 cho vay nặng lãi, chị Y cho rằng biên nhận ghi 2% nhưng lãi suất thực tế là 15% nhưng cả anh và chị đều không có chứng cứ chứng minh giao dịch vay lãi suất cao như anh chị trình bày. Mặt khác, bản thân anh chị xác định chưa đóng khoản lãi nào cho nguyên đơn nên đây chỉ là giao dịch dân sự không có dấu hiệu hình sự như anh M trình bày. Do đó, yêu cầu kháng cáo của anh M về việc hủy án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Công an điều tra về hành vi của chị T1 là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc anh M và chị Yến có vay của chị T1 theo các biên nhận nợ ngày 12.3.2020 âm lịch, ngày 06.7.2020 âm lịch, ngày 19.11.2020 âm lịch, ngày 24.7.2020 âm lịch với số tiền tổng cộng là 1.000.000.000 đồng là thực tế có xảy ra. Do đó, án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T1, buộc anh M và chị Y có nghĩa vụ trả cho chị T1 số tiền vay vốn là 1.000.000.000 đồng và lãi suất theo quy định là có căn cứ, không có cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh M, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Khổng Hoàng M phải chịu theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Khổng Hoàng M.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2022/DS-ST ngày 19/5/2022 của Toà án nhân dân huyện Cái Nước.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lương Kiều T1 đối với anh Khổng Hoàng M và chị Nguyễn Kim Y.

Buộc anh Khổng Hoàng M và chị Nguyễn Kim Y có nghĩa vụ trả cho chị Lương Kiều Trinh số tiền vay vốn là 1.000.000.000 đồng và số tiền lãi suất là 294.018.000 đồng, tổng cộng là 1.294.018.000 đồng (Một tỷ hai trăm chín mươi bốn triệu không trăm mười tám nghìn đồng).

Buộc chị Lương Kiều T1 có nghĩa vụ trả lại cho anh Khổng Hoàng M và chị Nguyễn Kim Y một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 1159, tờ bản đồ 02, diện tích 668,2 m^2 tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C, tỉnh C.

Đối với số tiền nêu trên kể từ ngày chị Lương Kiều T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Khổng Hoàng M và chị Nguyễn Kim Y không thi hành xong thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc anh Khổng Hoàng M và chị Nguyễn Kim Y phải chịu là 50.820.500 đồng (chưa nộp), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Chị Lương Kiều T1 được nhận lại số tiền dự nộp tạm ứng án phí là 21.996.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí tòa án số 0006323, ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Khổng Hoàng M phải chịu 300.000 đồng, anh M đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0008171 ngày 01/6/2022 được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Châu Minh Hoàng